

PHẦN 1 – NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Nhận dạng sản phẩm: Penebar™ Primer

Tên của nhà sản xuất: Penetron International, Ltd.

Địa chỉ: 45 Research Way, Suite 203, East Setauket, New York 11733, USA.

Đường dây nóng: +1 (631) 941-9700

Ứng dụng sản phẩm: Quét lót bề mặt.

Ngày phát hành MSDS: 15/10/2004

Phiên bản cập nhật mới nhất MSDS: 01/06/2007.

PHẦN 2 – NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Nguy hại đối với sức khỏe:

Tiếp xúc với mắt: Có thể gây kích thích mắt, đỏ mắt, chảy nước mắt và mờ mắt.

Tiếp xúc với da: Tiếp xúc thường xuyên và liên tục có thể gây kích thích da từ nhẹ đến vừa phải, gây dị ứng và viêm da.

Đường hô hấp: Hít phải quá nhiều hơi khí có thể gây buồn nôn, dị ứng đường hô hấp, ảnh hưởng hệ thống thần kinh trung ương, bao gồm chóng mặt, suy nhược, mệt mỏi, buồn nôn, nhức đầu, có thể bất tỉnh và thậm chí tử vong.

Đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải có thể gây độc qua đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy. Khi nôn có thể sẽ hít hơi khí lại vào phổi, có thể tạo ra hơi nén hóa học dễ dẫn đến tử vong.

Tác dụng mãn tính: Đã tìm thấy những bất thường về gan, tổn thương thận, phổi và thiệt hại lá lách đối với động vật trong phòng thí nghiệm. Tác hại của vật liệu này được xem như nguyên nhân gây ra những bất thường ở gan con người.

PHẦN 3 - THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần	Số CAS	Hàm lượng (% theo khối lượng)	OSHA PEL	AGGIH TLV
Vm & pNaphtha	64742-89-8	50-60	300 ppm	300 ppm
Toluene	108-88-3	<0,5	100 ppm	100 ppm
Xylene	1330-20-7	6-7	100 ppm	100 ppm
Ethyl Benzen	100-41-4	10-15	100 ppm	100 ppm
Hydrocarbon Resin	62258-49-5	7-10	NE	NE
Butyl cao su	9010-85-9	6-7,5	NE	NE

PHẦN 4 – BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Đối với mắt: Xối rửa mắt bằng thật nhiều nước sạch, trong cả hai mí mắt trên và dưới. **CẦN ĐƯA NGAY ĐẾN CƠ SỞ Y TẾ.**

Đối với da: Rửa chỗ tiếp xúc với da bằng xà phòng và nước sạch, hoặc chất tẩy rửa nhẹ. Không sử dụng các chất dung môi vì nó càng làm tăng sự hấp thụ của vật liệu này vào da. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn sạch sẽ trước khi tái sử dụng. Cần đi khám bác sĩ nếu chỗ da tiếp xúc vẫn cảm thấy bị dị ứng hoặc đau dai dẳng sau khi đã rửa sạch sẽ.

Hô hấp: Nếu vô tình hít phải thì cần di chuyển ra khu vực có không khí trong lành ngay lập tức. Nếu thở bình thường thấy khó khăn, thì thở bằng oxy. Nếu đã ngừng thở, cần làm hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cơ thể, để nằm yên, và ĐƯA NGAY ĐẾN CƠ SỞ Y TẾ.

Tiêu hóa: Không khuyến khích tự làm nôn. Giữ ấm cơ thể, để nằm yên, và ĐƯA NGAY ĐẾN CƠ SỞ Y TẾ. Khi tự nôn mửa có thể gây biến chứng cho phổi, có thể tạo ra hơi nén hóa học dễ dẫn đến tử vong. Cho thở oxy nếu thấy khó thở.

PHẦN 5 - BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**Điểm bùng cháy:** 180°C (360°F)**Phương pháp sử dụng:** TCC**Giới hạn cháy trong không khí,% theo thể tích:****Giới hạn phát cháy trên (UEL):** 7.1**Giới hạn phát cháy dưới (LEL):** 1.0**Tính dễ cháy:****OSHA:** 1B**DOT:** Chất lỏng dễ cháy.**Biện pháp chữa cháy:** Dùng hóa chất khô, carbon dioxide, bột.**Cháy nổ bất thường:** Đây là sản phẩm dễ cháy. Để tránh xa các nguồn nhiệt và lửa. Sự tích hơi sẽ dễ bắt lửa hoặc phát nổ bởi tia lửa hoặc ngọn lửa. Không trộn với các chất có tính oxy hóa mạnh. Sử dụng các dụng cụ không tạo ra khói lửa trong không gian kín.**Biện pháp chữa cháy đặc biệt:** KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG NƯỚC ĐỂ CHỮA CHÁY, vì nước có thể làm lửa lây lan. Nước có thể được sử dụng để làm mát thùng chứa nhằm ngăn chặn áp lực gia tăng bên trong. Mặt nạ chống độc là cần thiết cho nhân viên chữa cháy.**Các chất tạo ra khi cháy:** Sau khi bắt lửa có thể sẽ tạo ra hơi khói, khói, carbon monoxide, carbon dioxide, hơi hydrocarbon, clorua hydro, phosgene, clo, và nhiều loại hydrocacbon phức hợp khác.**PHẦN 6 - BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TAI NẠN****Biện pháp:** Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy như ngọn lửa, pháo sáng, bao gồm cả đèn điều khiển và tia lửa điện. Những người không mang thiết bị bảo vệ cần phải tránh xa khu vực có sự cố cho đến khi được xử lý và dọn dẹp sạch sẽ. Ngăn chặn nguồn tràn đổ, rò rỉ; đào rãnh cách ly khu vực tràn, rò rỉ để ngăn chặn sự lây lan. Bơm chất lỏng bị đổ ra ngoài vào lại bồn chứa. Các chất lỏng còn sót lại phải được xử lý bằng cát, đất sét, đất, giẻ lau, hoặc vật liệu thấm hút khác, và thu gom vào thùng chứa.**Xử lý chất thải:** Việc loại bỏ chất thải phải tuân thủ theo luật pháp và các quy định hiện hành của quốc gia và địa phương. Trước khi thải ra ngoài phải xử lý sạch sẽ, tham khảo thông tin độc hại như đã mô tả trong bảng này.**PHẦN 7 - SẮP XẾP VÀ BẢO QUẢN****Lưu ý trong việc sắp xếp và bảo quản:** Để tránh xa các nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa. Đóng kín các thùng chứa khi không sử dụng. Sử dụng biện pháp thông gió. Tránh việc thường xuyên tiếp xúc với da hoặc hít hơi trong thời gian dài. Cất giữ phù hợp với NFDA (Hoa Kỳ) và quy định của địa phương. Sử dụng dụng cụ loại không tạo ra khói lửa trong khu vực kín.**PHẦN 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN****Bảo vệ đường hô hấp:** Tránh hít hơi khí hoặc hơi sương trực tiếp từ vật liệu. Sử dụng mặt nạ phòng chống độc theo chuẩn NIOSH/OSHA để ngăn chặn việc tiếp xúc quá mức. Theo điều 29 CFR 1910.134, khi đeo mặt nạ thì vẫn phải thở được bằng không khí tự nhiên hoặc không khí đã được lọc sạch.**PHẦN 9 - DỮ LIỆU HOÁ LÝ****Ngoại quan/mùi:** Chất lỏng màu đen với mùi dung môi dầu khí.**Trọng lượng riêng (H₂O = 1):** 0,80**Bay hơi (% khối lượng):** 88.00%**Độ tan trong nước:** Không hòa tan.**Tỉ lệ bay hơi (BuAc = 1):** > 1**Tỉ lệ bay hơi theo khối lượng (%):** 77,3**Điểm sôi:** 93-102°C (200-216°F)**Điểm tan chảy/Điểm đóng băng:** Không phù hợp.**Tỉ trọng hơi (không khí = 1):** <1**Áp suất hóa hơi (mm thủy ngân):** 23 @ 25°C

PHẦN 10 - TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Độ bền của hóa chất: Ổn định – không xảy ra phản ứng sự trùng hợp nguy hiểm.

Tình trạng cần tránh: Bảo quản tránh xa nguồn nhiệt và lửa.

Vật liệu không tương thích: Vật liệu này không tương thích với chất oxi hóa mạnh, axit mạnh.

Phân hủy độc hại, chất phẩm tạo ra khi cháy: Sau khi bắt lửa có thể sẽ tạo ra sản phẩm nguy hiểm như hơi khói, khói, carbon monoxide, carbon dioxide, hơi hydrocacbon, hydro clorua, chất hóa học, clo và các hydrocacbon phức hợp khác.

PHẦN 11 - THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Vui lòng tham khảo Phần 3 thông tin ảnh hưởng đến sức khỏe.

PHẦN 12 - THÔNG TIN SINH THÁI

Không có dữ liệu sinh thái cụ thể cho sản phẩm này. Vui lòng tham khảo Phần 6 để biết thông tin liên quan đến việc giảm thiểu rủi ro, và Phần 15 để biết thông tin báo cáo theo quy định.

PHẦN 13 - XEM XÉT XỬ LÝ

Vui lòng tham khảo Phần 5, 6, và 15 để xử lý và thông tin pháp lý.

PHẦN 14 - THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Qui định của Sở GTVT (DOT) về việc vận chuyển: Chất lỏng dễ cháy. Thuộc Loại 3, UN 1133, Nhóm II.

PHẦN 15 - THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Sản phẩm này có chứa các hóa chất độc hại sau đây:

SỐ CAS	TÊN HÓA	% THEO TRỌNG LƯỢNG
108-88-3	Toluene	<0,5
1330-20-7	Xylene	6-7
100-41-4	Ethyl Benzen	10-15

Thông tin này phải được bao gồm trong tất cả hướng dẫn an toàn về vật liệu (MSDS) được sao chép và giao cùng với vật liệu này

PHẦN 16 - THÔNG TIN KHÁC

Hệ thống đánh giá độc hại: hệ thống nhận dạng vật liệu độc hại (HMIS)

	HMIS	KEY
Rủi ro về sức khỏe	2	4 = nặng
Dễ cháy	3	3 = nghiêm trọng
Phản ứng	0	2 = Trung bình
		1 = nhẹ
		0 = tối thiểu

Các thông tin và các khuyến nghị như đề cập trong bảng hướng dẫn an toàn này được xem là chính xác tại thời điểm soạn thảo từ nguồn tin cậy, và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro và tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm được nêu trong bảng này có những tính chất nguy hiểm khác nhau tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Penetron International Ltd không chịu bất cứ trách nhiệm nào với những trường hợp sử dụng không đúng với các hướng dẫn an toàn sản phẩm này.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY TNHH PENETRON VIỆT NAM

Lầu 3, Tòa nhà C.T, 56 Yên Thế, Phường 2,

Quận Tân Bình, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84-28) 6281 5992

Email: info@penetron.com.vn

Website: www.penetron.com.vn